



GreenPerform Waterproof G3: Bộ đèn chống thấm nước hiệu suất cao, tiết kiệm năng lượng

Đèn GreenPerform Waterproof G3

GreenPerform Waterproof G3 là một lựa chọn tuyệt vời cho các ứng dụng bên bờ biển. Sản phẩm này không chỉ cung cấp hiệu suất quang học xuất sắc mà còn tiết kiệm năng lượng đáng kể. Và nhờ hoạt động liền mạch với phần mềm IoT như Interact, khách hàng sẽ dễ dàng tùy chỉnh, sử dụng thật tiện lợi và có được thông tin chi tiết dựa trên dữ liệu.

Lợi ích

- Khả năng tiết kiệm năng lượng tuyệt vời
- Sự lựa chọn đáng tin cậy, khả năng phục vụ lâu dài, độ bền và tuổi thọ cao
- Thích hợp cho các ứng dụng đa dạng
- phần mềm và nền tảng Interact

Tính năng

- Tối đa 181lm/W (HE), và 160lm/W (thông thường)
- 100.000 giờ L70B50 ở 25°C
- IP66/IK08
- Nhiệt độ làm việc từ -30°C đến +60°C (phiên bản HT).
- Hoạt động với phần mềm và nền tảng IoT Interact
- Quang học vượt trội (WB & Opal), SDCM 3

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Ứng dụng

- Bãi đỗ xe
- Sân xuất
- Nhà kho

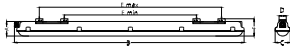
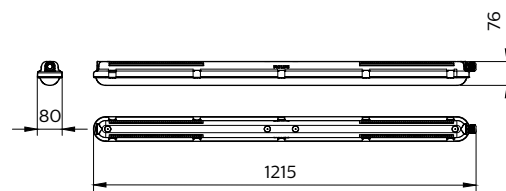
Cảnh báo và An toàn

- Theo thời gian, bức xạ UV sẽ làm hỏng vật liệu, dẫn đến mất lớp đệm bít chống nước và mất khả năng bảo vệ theo tiêu chuẩn IP65.
- Không lắp đặt bộ đèn tại những địa điểm đèn phải tiếp xúc với ánh nắng trực tiếp.

Bản vẽ kích thước



Type	Dimension (mm)							Nr. Of Clips
	A	B	C	D	E min	E max	F	
L600		665			38	512		6
L1200	76	1215	80	38	538	1062	85	10
L1500		1515			838	1362		12



Type	Dimension (mm)							Nr. Of Clips
	A	B	C	D	E min	E max	F	
L400		665			38	512		6
L1200	76	1215	80	38	538	1062	85	10
L1500		1515			838	1362		12

Thông tin kỹ thuật về đèn

Chỉ số hoàn màu (CRI) 80

Vận hành và điện

Cấp bảo vệ IEC Cấp an toàn I

Điện áp đầu vào 220 đến 240 V

Tần số lưới điện 50 to 60 Hz

Cơ khí và vỏ đèn

Màu sắc vỏ thiết bị Xám

Mã bảo vệ khỏi tác động cơ học IK08

Phê duyệt và ứng dụng

Đấu CE Có

Đấu ENEC -

Ký hiệu tính dễ cháy -

Thông tin chung

Order Code	Full Product Name	Bao gồm bộ điều khiển	Bộ điều khiển	Số lượng bộ điều khiển	Thẻ dịch vụ
911401503947	WT198C LED27S/840 PSU L1200	-	-	-	-
911401504047	WT198C LED25S/840 PSU PCO L1200	-	-	-	-
911401504147	WT198C LED27S/865 PSU L1200	-	-	-	-
911401504247	WT198C LED25S/865 PSU PCO L1200	-	-	-	-
911401504347	WT198C LED40S/840 PSU L1200	-	-	-	-
911401504447	WT198C LED37S/840 PSU PCO L1200	-	-	-	-
911401504547	WT198C LED40S/865 PSU L1200	-	-	-	-
911401504647	WT198C LED37S/865 PSU PCO L1200	-	-	-	-
911401505947	WT198C LED27S/840 PSD L1200	-	-	-	-
911401506047	WT198C LED27S/865 PSD L1200	-	-	-	-
911401506147	WT198C LED40S/840 PSD L1200	-	-	-	-
911401506247	WT198C LED40S/865 PSD L1200	-	-	-	-
911401506947	WT198C LED27S/840 PSD Es L1200	-	-	-	-

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Order Code	Full Product Name	Bao gồm bộ điều khiển	Bộ điều khiển	Số lượng bộ điều khiển	Thê dịch vụ
911401507047	WT198C LED40S/840 PSD Es L1200	-	-	-	-
911401507547	WT198X LED27S/840 WIA L1200	-	-	-	-
911401507647	WT198X LED40S/840 WIA L1200	-	-	-	-
911401509547	WT198C HE LED27S/840 PSU L1200	-	-	-	-
911401509647	WT198C HE LED27S/865 PSU L1200	-	-	-	-
911401509747	WT198C HE LED40S/840 PSU L1200	-	-	-	-
911401509847	WT198C HE LED40S/865 PSU L1200	-	-	-	-
911401510547	WT198C HE LED27S/840 PSD L1200	-	-	-	-
911401510647	WT198C HE LED40S/840 PSD L1200	-	-	-	-
911401528247	WT198C HE LED27S/865 PSD L1200	-	-	-	-
911401528347	WT198C HE LED40S/865 PSD L1200	-	-	-	-
911401504747	WT198C LED60S/840 PSU L1500	-	-	-	-
911401504847	WT198C LED57S/840 PSU PCO L1500	-	-	-	-
911401504947	WT198C LED60S/865 PSU L1500	-	-	-	-
911401505047	WT198C LED57S/865 PSU PCO L1500	-	-	-	-
911401505147	WT198C LED80S/840 PSU L1500	-	-	-	-
911401505247	WT198C LED75S/840 PSU PCO L1500	-	-	-	-
911401505347	WT198C LED80S/865 PSU L1500	-	-	-	-
911401505447	WT198C LED75S/865 PSU PCO L1500	-	-	-	-
911401505547	WT198C LED100S/840 PSU L1500	-	-	-	-
911401505647	WT198C LED94S/840 PSU PCO L1500	-	-	-	-
911401505747	WT198C LED100S/865 PSU L1500	-	-	-	-
911401505847	WT198C LED94S/865 PSU PCO L1500	-	-	-	-
911401506347	WT198C LED60S/840 PSD L1500	-	-	-	-
911401506447	WT198C LED60S/865 PSD L1500	-	-	-	-
911401506547	WT198C LED80S/840 PSD L1500	-	-	-	-
911401506647	WT198C LED80S/865 PSD L1500	-	-	-	-
911401506747	WT198C LED100S/840 PSD L1500	-	-	-	-
911401506847	WT198C LED100S/865 PSD L1500	-	-	-	-
911401507147	WT198C LED60S/840 PSD Es L1500	-	-	-	-
911401507247	WT198C LED80S/840 PSD Es L1500	-	-	-	-
911401507347	WT198C LED100S/840 PSD Es L1500	-	-	-	-
911401507747	WT198X LED60S/840 WIA L1500	-	-	-	-
911401507847	WT198X LED80S/840 WIA L1500	-	-	-	-
911401507947	WT198X LED100S/840 WIA L1500	-	-	-	-
911401509947	WT198C HE LED60S/840 PSU L1500	-	-	-	-
911401510047	WT198C HE LED60S/865 PSU L1500	-	-	-	-
911401510147	WT198C HE LED80S/840 PSU L1500	-	-	-	-
911401510247	WT198C HE LED80S/865 PSU L1500	-	-	-	-
911401510347	WT198C HE LED100S/840 PSU L1500	-	-	-	-
911401510447	WT198C HE LED100S/865 PSU L1500	-	-	-	-
911401510747	WT198C HE LED60S/840 PSD L1500	-	-	-	-
911401510847	WT198C HE LED80S/840 PSD L1500	-	-	-	-
911401510947	WT198C HE LED100S/840 PSD L1500	-	-	-	-
911401528447	WT198C HE LED60S/865 PSD L1500	-	-	-	-
911401528547	WT198C HE LED80S/865 PSD L1500	-	-	-	-
911401528647	WT198C HE LED100S/865 PSD L1500	-	-	-	-
911401551502	WT198X LED20S/840 L1 W L600	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401551702	WT198X LED40S/840 L1 W L1200	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401551802	WT198X LED60S/840 L1 W L1500	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401552002	WT198X LED20S/865 L1 W L600	Có	EB	1 thiết bị	Có

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Order Code	Full Product Name	Bao gồm bộ điều khiển	Bộ điều khiển	Số lượng bộ điều khiển	Thê dịch vụ
911401552102	WT198X LED27S/865 L1 W L1200	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401552202	WT198X LED40S/865 L1 W L1200	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401552402	WT198X LED82S/865 L1 W L1500	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401571091	WT198X LED20S/840 L1 S L600	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401571391	WT198X LED60S/840 L1 S L1500	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401571491	WT198X LED82S/840 L1 S L1500	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401571591	WT198X LED20S/865 L1 S L600	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401571991	WT198X LED82S/865 L1 S L1500	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401552502	WT198X LED19S/840 L1 W PCO L600	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401552602	WT198X LED26S/840 L1 W PCO L1200	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401552702	WT198X LED38S/840 L1 W PCO L1200	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401553002	WT198X LED19S/865 L1 W PCO L600	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401553102	WT198X LED26S/865 L1 W PCO L1200	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401553202	WT198X LED38S/865 L1 W PCO L1200	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401553302	WT198X LED57S/865 L1 W PCO L1500	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401572091	WT198X LED19S/840 L1 S PCO L600	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401503547	WT198C LED12S/840 PSU L600	-	-	-	-
911401503647	WT198C LED11S/840 PSU PCO L600	-	-	-	-
911401503747	WT198C LED20S/840 PSU L600	-	-	-	-
911401503847	WT198C LED18S/840 PSU PCO L600	-	-	-	-
911401507447	WT198X LED20S/840 WIA L600	-	-	-	-
911401571191	WT198X LED27S/840 L1 S L1200	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401571291	WT198X LED40S/840 L1 S L1200	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401571691	WT198X LED27S/865 L1 S L1200	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401571791	WT198X LED40S/865 L1 S L1200	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401572191	WT198X LED26S/840 L1 S PCO L1200	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401572291	WT198X LED38S/840 L1 S PCO L1200	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401572691	WT198X LED26S/865 L1 S PCO L1200	Có	EB	1 thiết bị	Có
911401572791	WT198X LED38S/865 L1 S PCO L1200	Có	EB	1 thiết bị	Có

Thông tin kỹ thuật về đèn (1/2)

Order Code	Full Product Name	Góc chiếu			
		của nguồn sáng	Nhiệt độ màu (CCT)	Hiệu suất phát quang định mức	Hiệu suất Quang thông
911401503947	WT198C LED27S/840 PSU L1200	115 °	4000 K	159 lm/W	2.700 lm
911401504047	WT198C LED25S/840 PSU PCO L1200	115 °	4000 K	150 lm/W	2.550 lm
911401504147	WT198C LED27S/865 PSU L1200	115 °	6500 K	159 lm/W	2.700 lm
911401504247	WT198C LED25S/865 PSU PCO L1200	115 °	6500 K	150 lm/W	2.550 lm
911401504347	WT198C LED40S/840 PSU L1200	115 °	4000 K	160 lm/W	4.000 lm
911401504447	WT198C LED37S/840 PSU PCO L1200	115 °	4000 K	150 lm/W	3.750 lm
911401504547	WT198C LED40S/865 PSU L1200	115 °	6500 K	160 lm/W	4.000 lm
911401504647	WT198C LED37S/865 PSU PCO L1200	115 °	6500 K	150 lm/W	3.750 lm
911401505947	WT198C LED27S/840 PSD L1200	115 °	4000 K	159 lm/W	2.700 lm
911401506047	WT198C LED27S/865 PSD L1200	115 °	6500 K	159 lm/W	2.700 lm
911401506147	WT198C LED40S/840 PSD L1200	115 °	4000 K	160 lm/W	4.000 lm
911401506247	WT198C LED40S/865 PSD L1200	115 °	6500 K	160 lm/W	4.000 lm
911401506947	WT198C LED27S/840 PSD Es L1200	115 °	4000 K	159 lm/W	2.700 lm
911401507047	WT198C LED40S/840 PSD Es L1200	115 °	4000 K	160 lm/W	4.000 lm

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Order Code	Full Product Name	Góc chiếu			
		của nguồn sáng	Nhiệt độ màu (CCT)	Hiệu suất phát quang định mức	Quang thông
911401507547	WT198X LED27S/840 WIA L1200	115 °	4000 K	159 lm/W	2.700 lm
911401507647	WT198X LED40S/840 WIA L1200	115 °	4000 K	160 lm/W	4.000 lm
911401509547	WT198C HE LED27S/840 PSU L1200	115 °	4000 K	172 lm/W	2.700 lm
911401509647	WT198C HE LED27S/865 PSU L1200	115 °	6500 K	172 lm/W	2.700 lm
911401509747	WT198C HE LED40S/840 PSU L1200	115 °	4000 K	173 lm/W	4.000 lm
911401509847	WT198C HE LED40S/865 PSU L1200	115 °	6500 K	173 lm/W	4.000 lm
911401510547	WT198C HE LED27S/840 PSD L1200	115 °	4000 K	172 lm/W	2.700 lm
911401510647	WT198C HE LED40S/840 PSD L1200	115 °	4000 K	173 lm/W	4.000 lm
911401528247	WT198C HE LED27S/865 PSD L1200	115 °	6500 K	172 lm/W	2.700 lm
911401528347	WT198C HE LED40S/865 PSD L1200	115 °	6500 K	173 lm/W	4.000 lm
911401504747	WT198C LED60S/840 PSU L1500	115 °	4000 K	160 lm/W	6.000 lm
911401504847	WT198C LED57S/840 PSU PCO L1500	115 °	4000 K	151 lm/W	5.650 lm
911401504947	WT198C LED60S/865 PSU L1500	115 °	6500 K	160 lm/W	6.000 lm
911401505047	WT198C LED57S/865 PSU PCO L1500	115 °	6500 K	151 lm/W	5.650 lm
911401505147	WT198C LED80S/840 PSU L1500	115 °	4000 K	160 lm/W	8.000 lm
911401505247	WT198C LED75S/840 PSU PCO L1500	115 °	4000 K	151 lm/W	7.550 lm
911401505347	WT198C LED80S/865 PSU L1500	115 °	6500 K	160 lm/W	8.000 lm
911401505447	WT198C LED75S/865 PSU PCO L1500	115 °	6500 K	151 lm/W	7.550 lm
911401505547	WT198C LED100S/840 PSU L1500	115 °	4000 K	160 lm/W	10.000 lm
911401505647	WT198C LED94S/840 PSU PCO L1500	115 °	4000 K	151 lm/W	9.450 lm

Order Code	Full Product Name	Góc chiếu			
		của nguồn sáng	Nhiệt độ màu (CCT)	Hiệu suất phát quang định mức	Quang thông
911401505747	WT198C LED100S/865 PSU L1500	115 °	6500 K	160 lm/W	10.000 lm
911401505847	WT198C LED94S/865 PSU PCO L1500	115 °	6500 K	151 lm/W	9.450 lm
911401506347	WT198C LED60S/840 PSD L1500	115 °	4000 K	160 lm/W	6.000 lm
911401506447	WT198C LED60S/865 PSD L1500	115 °	6500 K	160 lm/W	6.000 lm
911401506547	WT198C LED80S/840 PSD L1500	115 °	4000 K	160 lm/W	8.000 lm
911401506647	WT198C LED80S/865 PSD L1500	115 °	6500 K	160 lm/W	8.000 lm
911401506747	WT198C LED100S/840 PSD L1500	115 °	4000 K	160 lm/W	10.000 lm
911401506847	WT198C LED100S/865 PSD L1500	115 °	6500 K	160 lm/W	10.000 lm
911401507147	WT198C LED60S/840 PSD Es L1500	115 °	4000 K	160 lm/W	6.000 lm
911401507247	WT198C LED80S/840 PSD Es L1500	115 °	4000 K	160 lm/W	8.000 lm
911401507347	WT198C LED100S/840 PSD Es L1500	115 °	4000 K	160 lm/W	10.000 lm
911401507747	WT198X LED60S/840 WIA L1500	115 °	4000 K	160 lm/W	6.000 lm
911401507847	WT198X LED80S/840 WIA L1500	115 °	4000 K	160 lm/W	8.000 lm
911401507947	WT198X LED100S/840 WIA L1500	115 °	4000 K	160 lm/W	10.000 lm
911401509947	WT198C HE LED60S/840 PSU L1500	115 °	4000 K	178 lm/W	6.000 lm
911401510047	WT198C HE LED60S/865 PSU L1500	115 °	6500 K	178 lm/W	6.000 lm
911401510147	WT198C HE LED80S/840 PSU L1500	115 °	4000 K	180 lm/W	8.000 lm
911401510247	WT198C HE LED80S/865 PSU L1500	115 °	6500 K	180 lm/W	8.000 lm
911401510347	WT198C HE LED100S/840 PSU L1500	115 °	4000 K	181 lm/W	10.000 lm

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Order Code	Full Product Name	Góc chiếu			
		của nguồn sáng	Nhiệt độ màu (CCT)	Hiệu suất phát quang định mức	Quang thông
911401510447	WT198C HE LED100S/865 PSU L1500	115 °	6500 K	181 lm/W	10.000 lm
911401510747	WT198C HE LED60S/840 PSD L1500	115 °	4000 K	178 lm/W	6.000 lm
911401510847	WT198C HE LED80S/840 PSD L1500	115 °	4000 K	180 lm/W	8.000 lm
911401510947	WT198C HE LED100S/840 PSD L1500	115 °	4000 K	181 lm/W	10.000 lm
911401528447	WT198C HE LED60S/865 PSD L1500	115 °	6500 K	178 lm/W	6.000 lm
911401528547	WT198C HE LED80S/865 PSD L1500	115 °	6500 K	180 lm/W	8.000 lm
911401528647	WT198C HE LED100S/865 PSD L1500	115 °	6500 K	181 lm/W	10.000 lm
911401551502	WT198X LED20S/840 L1 W L600	-	4000 K	136,1 lm/W	2.000 lm
911401551702	WT198X LED40S/840 L1 W L1200	-	4000 K	138,4 lm/W	4.000 lm
911401551802	WT198X LED60S/840 L1 W L1500	-	4000 K	137,6 lm/W	6.000 lm
911401552002	WT198X LED20S/865 L1 W L600	-	6500 K	136,1 lm/W	2.000 lm
911401552102	WT198X LED27S/865 L1 W L1200	-	6500 K	143,6 lm/W	2.700 lm
911401552202	WT198X LED40S/865 L1 W L1200	-	6500 K	138,4 lm/W	4.000 lm
911401552402	WT198X LED82S/865 L1 W L1500	-	6500 K	138,7 lm/W	8.200 lm
911401571091	WT198X LED20S/840 L1 S L600	-	4000 K	136,1 lm/W	2.000 lm
911401571391	WT198X LED60S/840 L1 S L1500	-	4000 K	137,6 lm/W	6.000 lm
911401571491	WT198X LED82S/840 L1 S L1500	-	4000 K	138,7 lm/W	8.200 lm
911401571591	WT198X LED20S/865 L1 S L600	-	6500 K	136,1 lm/W	2.000 lm
911401571991	WT198X LED82S/865 L1 S L1500	-	6500 K	138,7 lm/W	8.200 lm

Order Code	Full Product Name	Góc chiếu			
		của nguồn sáng	Nhiệt độ màu (CCT)	Hiệu suất phát quang định mức	Quang thông
911401552502	WT198X LED19S/840 L1 W PCO L600	-	4000 K	129,3 lm/W	1.900 lm
911401552602	WT198X LED26S/840 L1 W PCO L1200	-	4000 K	138,3 lm/W	2.600 lm
911401552702	WT198X LED38S/840 L1 W PCO L1200	-	4000 K	131,5 lm/W	3.800 lm
911401553002	WT198X LED19S/865 L1 W PCO L600	-	6500 K	129,3 lm/W	1.900 lm
911401553102	WT198X LED26S/865 L1 W PCO L1200	-	6500 K	138,3 lm/W	2.600 lm
911401553202	WT198X LED38S/865 L1 W PCO L1200	-	6500 K	131,5 lm/W	3.800 lm
911401553302	WT198X LED57S/865 L1 W PCO L1500	-	6500 K	130,7 lm/W	5.700 lm
911401572091	WT198X LED19S/840 L1 S PCO L600	-	4000 K	129,3 lm/W	1.900 lm
911401503547	WT198C LED12S/840 PSU L600	115 °	4000 K	154 lm/W	1.250 lm
911401503647	WT198C LED11S/840 PSU PCO L600	115 °	4000 K	142 lm/W	1.150 lm
911401503747	WT198C LED20S/840 PSU L600	115 °	4000 K	154 lm/W	2.000 lm
911401503847	WT198C LED18S/840 PSU PCO L600	115 °	4000 K	142 lm/W	1.850 lm
911401507447	WT198X LED20S/840 WIA L600	115 °	4000 K	154 lm/W	2.000 lm
911401571191	WT198X LED27S/840 L1 S L1200	-	4000 K	143,6 lm/W	2.700 lm
911401571291	WT198X LED40S/840 L1 S L1200	-	4000 K	138,4 lm/W	4.000 lm
911401571691	WT198X LED27S/865 L1 S L1200	-	6500 K	143,6 lm/W	2.700 lm
911401571791	WT198X LED40S/865 L1 S L1200	-	6500 K	138,4 lm/W	4.000 lm
911401572191	WT198X LED26S/840 L1 S PCO L1200	-	4000 K	138,3 lm/W	2.600 lm
911401572291	WT198X LED38S/840 L1 S PCO L1200	-	4000 K	131,5 lm/W	3.800 lm
911401572691	WT198X LED26S/865 L1 S PCO L1200	-	6500 K	138,3 lm/W	2.600 lm
911401572791	WT198X LED38S/865 L1 S PCO L1200	-	6500 K	131,5 lm/W	3.800 lm

Thông tin kỹ thuật về đèn (2/2)

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Order Code	Full Product Name	Số lượng	
		nguồn sáng	Loại chóa quang học
911401503947	WT198C LED27S/840 PSU L1200	-	Chùm sáng rất rộng
911401504047	WT198C LED25S/840 PSU PCO L1200	-	Trắng đục
911401504147	WT198C LED27S/865 PSU L1200	-	Chùm sáng rất rộng
911401504247	WT198C LED25S/865 PSU PCO L1200	-	Trắng đục
911401504347	WT198C LED40S/840 PSU L1200	-	Chùm sáng rất rộng
911401504447	WT198C LED37S/840 PSU PCO L1200	-	Trắng đục
911401504547	WT198C LED40S/865 PSU L1200	-	Chùm sáng rất rộng
911401504647	WT198C LED37S/865 PSU PCO L1200	-	Trắng đục
911401505947	WT198C LED27S/840 PSD L1200	-	Chùm sáng rất rộng
911401506047	WT198C LED27S/865 PSD L1200	-	Chùm sáng rất rộng
911401506147	WT198C LED40S/840 PSD L1200	-	Chùm sáng rất rộng
911401506247	WT198C LED40S/865 PSD L1200	-	Chùm sáng rất rộng
911401506947	WT198C LED27S/840 PSD Es L1200	-	Chùm sáng rất rộng
911401507047	WT198C LED40S/840 PSD Es L1200	-	Chùm sáng rất rộng
911401507547	WT198X LED27S/840 WIA L1200	-	Chùm sáng rất rộng
911401507647	WT198X LED40S/840 WIA L1200	-	Chùm sáng rất rộng
911401509547	WT198C HE LED27S/840 PSU L1200	-	Chùm sáng rất rộng
911401509647	WT198C HE LED27S/865 PSU L1200	-	Chùm sáng rất rộng
911401509747	WT198C HE LED40S/840 PSU L1200	-	Chùm sáng rất rộng
911401509847	WT198C HE LED40S/865 PSU L1200	-	Chùm sáng rất rộng
911401510547	WT198C HE LED27S/840 PSD L1200	-	Chùm sáng rất rộng
911401510647	WT198C HE LED40S/840 PSD L1200	-	Chùm sáng rất rộng
911401528247	WT198C HE LED27S/865 PSD L1200	-	Chùm sáng rất rộng
911401528347	WT198C HE LED40S/865 PSD L1200	-	Chùm sáng rất rộng
911401504747	WT198C LED60S/840 PSU L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401504847	WT198C LED57S/840 PSU PCO L1500	-	Trắng đục
911401504947	WT198C LED60S/865 PSU L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401505047	WT198C LED57S/865 PSU PCO L1500	-	Trắng đục
911401505147	WT198C LED80S/840 PSU L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401505247	WT198C LED75S/840 PSU PCO L1500	-	Trắng đục
911401505347	WT198C LED80S/865 PSU L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401505447	WT198C LED75S/865 PSU PCO L1500	-	Trắng đục
911401505547	WT198C LED100S/840 PSU L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401505647	WT198C LED94S/840 PSU PCO L1500	-	Trắng đục
911401505747	WT198C LED100S/865 PSU L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401505847	WT198C LED94S/865 PSU PCO L1500	-	Trắng đục
911401506347	WT198C LED60S/840 PSD L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401506447	WT198C LED60S/865 PSD L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401506547	WT198C LED80S/840 PSD L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401506647	WT198C LED80S/865 PSD L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401506747	WT198C LED100S/840 PSD L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401506847	WT198C LED100S/865 PSD L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401507147	WT198C LED60S/840 PSD Es L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401507247	WT198C LED80S/840 PSD Es L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401507347	WT198C LED100S/840 PSD Es L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401507747	WT198X LED60S/840 WIA L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401507847	WT198X LED80S/840 WIA L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401507947	WT198X LED100S/840 WIA L1500	-	Chùm sáng rất rộng

Order Code	Full Product Name	Số lượng	
		nguồn sáng	Loại chóa quang học
911401509947	WT198C HE LED60S/840 PSU L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401510047	WT198C HE LED60S/865 PSU L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401510147	WT198C HE LED80S/840 PSU L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401510247	WT198C HE LED80S/865 PSU L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401510347	WT198C HE LED100S/840 PSU L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401510447	WT198C HE LED100S/865 PSU L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401510747	WT198C HE LED60S/840 PSD L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401510847	WT198C HE LED80S/840 PSD L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401510947	WT198C HE LED100S/840 PSD L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401528447	WT198C HE LED60S/865 PSD L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401528547	WT198C HE LED80S/865 PSD L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401528647	WT198C HE LED100S/865 PSD L1500	-	Chùm sáng rất rộng
911401551502	WT198X LED20S/840 L1 W L600	1	-
911401551702	WT198X LED40S/840 L1 W L1200	1	-
911401551802	WT198X LED60S/840 L1 W L1500	1	-
911401552002	WT198X LED20S/865 L1 W L600	1	-
911401552102	WT198X LED27S/865 L1 W L1200	1	-
911401552202	WT198X LED40S/865 L1 W L1200	1	-
911401552402	WT198X LED82S/865 L1 W L1500	1	-
911401571091	WT198X LED20S/840 L1 S L600	1	-
911401571391	WT198X LED60S/840 L1 S L1500	1	-
911401571491	WT198X LED82S/840 L1 S L1500	1	-
911401571591	WT198X LED20S/865 L1 S L600	1	-
911401571991	WT198X LED82S/865 L1 S L1500	1	-
911401552502	WT198X LED19S/840 L1 W PCO L600	1	-
911401552602	WT198X LED26S/840 L1 W PCO L1200	1	-
911401552702	WT198X LED38S/840 L1 W PCO L1200	1	-
911401553002	WT198X LED19S/865 L1 W PCO L600	1	-
911401553102	WT198X LED26S/865 L1 W PCO L1200	1	-
911401553202	WT198X LED38S/865 L1 W PCO L1200	1	-
911401553302	WT198X LED57S/865 L1 W PCO L1500	1	-
911401572091	WT198X LED19S/840 L1 S PCO L600	1	-
911401503547	WT198C LED12S/840 PSU L600	-	Chùm sáng rất rộng
911401503647	WT198C LED11S/840 PSU PCO L600	-	Trắng đục
911401503747	WT198C LED20S/840 PSU L600	-	Chùm sáng rất rộng
911401503847	WT198C LED18S/840 PSU PCO L600	-	Trắng đục
911401507447	WT198X LED20S/840 WIA L600	-	Chùm sáng rất rộng
911401571191	WT198X LED27S/840 L1 S L1200	1	-
911401571291	WT198X LED40S/840 L1 S L1200	1	-
911401571691	WT198X LED27S/865 L1 S L1200	1	-
911401571791	WT198X LED40S/865 L1 S L1200	1	-
911401572191	WT198X LED26S/840 L1 S PCO L1200	1	-
911401572291	WT198X LED38S/840 L1 S PCO L1200	1	-
911401572691	WT198X LED26S/865 L1 S PCO L1200	1	-
911401572791	WT198X LED38S/865 L1 S PCO L1200	1	-

Vận hành và điện

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Order Code	Full Product Name	Công suất	Phù hợp với bật/tắt	
			ngẫu nhiên	
911401503947	WT198C LED27S/840 PSU L1200	17 W	-	
911401504047	WT198C LED25S/840 PSU PCO L1200	17 W	-	
911401504147	WT198C LED27S/865 PSU L1200	17 W	-	
911401504247	WT198C LED25S/865 PSU PCO L1200	17 W	-	
911401504347	WT198C LED40S/840 PSU L1200	25 W	-	
911401504447	WT198C LED37S/840 PSU PCO L1200	25 W	-	
911401504547	WT198C LED40S/865 PSU L1200	25 W	-	
911401504647	WT198C LED37S/865 PSU PCO L1200	25 W	-	
911401505947	WT198C LED27S/840 PSD L1200	17 W	-	
911401506047	WT198C LED27S/865 PSD L1200	17 W	-	
911401506147	WT198C LED40S/840 PSD L1200	25 W	-	
911401506247	WT198C LED40S/865 PSD L1200	25 W	-	
911401506947	WT198C LED27S/840 PSD Es L1200	17 W	-	
911401507047	WT198C LED40S/840 PSD Es L1200	25 W	-	
911401507547	WT198X LED27S/840 WIA L1200	17 W	-	
911401507647	WT198X LED40S/840 WIA L1200	25 W	-	
911401509547	WT198C HE LED27S/840 PSU L1200	15,7 W	-	
911401509647	WT198C HE LED27S/865 PSU L1200	15,7 W	-	
911401509747	WT198C HE LED40S/840 PSU L1200	23,1 W	-	
911401509847	WT198C HE LED40S/865 PSU L1200	23,1 W	-	
911401510547	WT198C HE LED27S/840 PSD L1200	15,7 W	-	
911401510647	WT198C HE LED40S/840 PSD L1200	23,1 W	-	
911401528247	WT198C HE LED27S/865 PSD L1200	15,7 W	-	
911401528347	WT198C HE LED40S/865 PSD L1200	23,1 W	-	
911401504747	WT198C LED60S/840 PSU L1500	37,5 W	-	
911401504847	WT198C LED57S/840 PSU PCO L1500	37,5 W	-	
911401504947	WT198C LED60S/865 PSU L1500	37,5 W	-	
911401505047	WT198C LED57S/865 PSU PCO L1500	37,5 W	-	
911401505147	WT198C LED80S/840 PSU L1500	50 W	-	
911401505247	WT198C LED75S/840 PSU PCO L1500	50 W	-	
911401505347	WT198C LED80S/865 PSU L1500	50 W	-	
911401505447	WT198C LED75S/865 PSU PCO L1500	50 W	-	
911401505547	WT198C LED100S/840 PSU L1500	62,5 W	-	
911401505647	WT198C LED94S/840 PSU PCO L1500	62,5 W	-	
911401505747	WT198C LED100S/865 PSU L1500	62,5 W	-	
911401505847	WT198C LED94S/865 PSU PCO L1500	62,5 W	-	
911401506347	WT198C LED60S/840 PSD L1500	37,5 W	-	
911401506447	WT198C LED60S/865 PSD L1500	37,5 W	-	
911401506547	WT198C LED80S/840 PSD L1500	50 W	-	
911401506647	WT198C LED80S/865 PSD L1500	50 W	-	
911401506747	WT198C LED100S/840 PSD L1500	62,5 W	-	
911401506847	WT198C LED100S/865 PSD L1500	62,5 W	-	
911401507147	WT198C LED60S/840 PSD Es L1500	37,5 W	-	
911401507247	WT198C LED80S/840 PSD Es L1500	50 W	-	
911401507347	WT198C LED100S/840 PSD Es L1500	62,5 W	-	
911401507747	WT198X LED60S/840 WIA L1500	37,5 W	-	
911401507847	WT198X LED80S/840 WIA L1500	50 W	-	

Order Code	Full Product Name	Công suất	Phù hợp với bật/tắt	
			ngẫu nhiên	
911401507947	WT198X LED100S/840 WIA L1500	62,5 W	-	
911401509947	WT198C HE LED60S/840 PSU L1500	33,8 W	-	
911401510047	WT198C HE LED60S/865 PSU L1500	33,8 W	-	
911401510147	WT198C HE LED80S/840 PSU L1500	44,4 W	-	
911401510247	WT198C HE LED80S/865 PSU L1500	44,4 W	-	
911401510347	WT198C HE LED100S/840 PSU L1500	55,1 W	-	
911401510447	WT198C HE LED100S/865 PSU L1500	55,1 W	-	
911401510747	WT198C HE LED60S/840 PSD L1500	33,8 W	-	
911401510847	WT198C HE LED80S/840 PSD L1500	44,4 W	-	
911401510947	WT198C HE LED100S/840 PSD L1500	55,1 W	-	
911401528447	WT198C HE LED60S/865 PSD L1500	33,8 W	-	
911401528547	WT198C HE LED80S/865 PSD L1500	44,4 W	-	
911401528647	WT198C HE LED100S/865 PSD L1500	55,1 W	-	
911401551502	WT198X LED20S/840 L1 W L600	14,7 W	Có	
911401551702	WT198X LED40S/840 L1 W L1200	28,9 W	Có	
911401551802	WT198X LED60S/840 L1 W L1500	43,6 W	Có	
911401552002	WT198X LED20S/865 L1 W L600	14,7 W	Có	
911401552102	WT198X LED27S/865 L1 W L1200	18,8 W	Có	
911401552202	WT198X LED40S/865 L1 W L1200	28,9 W	Có	
911401552402	WT198X LED82S/865 L1 W L1500	59,1 W	Có	
911401571091	WT198X LED20S/840 L1 S L600	14,7 W	Có	
911401571391	WT198X LED60S/840 L1 S L1500	43,6 W	Có	
911401571491	WT198X LED82S/840 L1 S L1500	59,1 W	Có	
911401571591	WT198X LED20S/865 L1 S L600	14,7 W	Có	
911401571991	WT198X LED82S/865 L1 S L1500	59,1 W	Có	
911401552502	WT198X LED19S/840 L1 W PCO L600	14,7 W	Có	
911401552602	WT198X LED26S/840 L1 W PCO L1200	18,8 W	Có	
911401552702	WT198X LED38S/840 L1 W PCO L1200	28,9 W	Có	
911401553002	WT198X LED19S/865 L1 W PCO L600	14,7 W	Có	
911401553102	WT198X LED26S/865 L1 W PCO L1200	18,8 W	Có	
911401553202	WT198X LED38S/865 L1 W PCO L1200	28,9 W	Có	
911401553302	WT198X LED57S/865 L1 W PCO L1500	43,6 W	Có	
911401572091	WT198X LED19S/840 L1 S PCO L600	14,7 W	Có	
911401503547	WT198C LED12S/840 PSU L600	8,1 W	-	
911401503647	WT198C LED11S/840 PSU PCO L600	8,1 W	-	
911401503747	WT198C LED20S/840 PSU L600	13 W	-	
911401503847	WT198C LED18S/840 PSU PCO L600	13 W	-	
911401507447	WT198X LED20S/840 WIA L600	13 W	-	
911401571191	WT198X LED27S/840 L1 S L1200	18,8 W	Có	
911401571291	WT198X LED40S/840 L1 S L1200	28,9 W	Có	
911401571691	WT198X LED27S/865 L1 S L1200	18,8 W	Có	
911401571791	WT198X LED40S/865 L1 S L1200	28,9 W	Có	
911401572191	WT198X LED26S/840 L1 S PCO L1200	18,8 W	Có	
911401572291	WT198X LED38S/840 L1 S PCO L1200	28,9 W	Có	
911401572691	WT198X LED26S/865 L1 S PCO L1200	18,8 W	Có	
911401572791	WT198X LED38S/865 L1 S PCO L1200	28,9 W	Có	

Điều khiển và điều chỉnh độ sáng

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Order Code	Full Product Name	Có thể điều chỉnh độ sáng (Có hỗ trợ tăng/giảm sáng)	Độ mờ tối đa
911401503947	WT198C LED27S/840 PSU L1200	Cố định	-
911401504047	WT198C LED25S/840 PSU PCO L1200	Cố định	-
911401504147	WT198C LED27S/865 PSU L1200	Cố định	-
911401504247	WT198C LED25S/865 PSU PCO L1200	Cố định	-
911401504347	WT198C LED40S/840 PSU L1200	Cố định	-
911401504447	WT198C LED37S/840 PSU PCO L1200	Cố định	-
911401504547	WT198C LED40S/865 PSU L1200	Cố định	-
911401504647	WT198C LED37S/865 PSU PCO L1200	Cố định	-
911401505947	WT198C LED27S/840 PSD L1200	DALI	-
911401506047	WT198C LED27S/865 PSD L1200	DALI	-
911401506147	WT198C LED40S/840 PSD L1200	DALI	-
911401506247	WT198C LED40S/865 PSD L1200	DALI	-
911401506947	WT198C LED27S/840 PSD Es L1200	DALI	-
911401507047	WT198C LED40S/840 PSD Es L1200	DALI	-
911401507547	WT198X LED27S/840 WIA L1200	Điều chỉnh độ sáng không dây	-
911401507647	WT198X LED40S/840 WIA L1200	Điều chỉnh độ sáng không dây	-
911401509547	WT198C HE LED27S/840 PSU L1200	Cố định	-
911401509647	WT198C HE LED27S/865 PSU L1200	Cố định	-
911401509747	WT198C HE LED40S/840 PSU L1200	Cố định	-
911401509847	WT198C HE LED40S/865 PSU L1200	Cố định	-
911401510547	WT198C HE LED27S/840 PSD L1200	DALI	-
911401510647	WT198C HE LED40S/840 PSD L1200	DALI	-
911401528247	WT198C HE LED27S/865 PSD L1200	DALI	-
911401528347	WT198C HE LED40S/865 PSD L1200	DALI	-
911401504747	WT198C LED60S/840 PSU L1500	Cố định	-
911401504847	WT198C LED57S/840 PSU PCO L1500	Cố định	-
911401504947	WT198C LED60S/865 PSU L1500	Cố định	-
911401505047	WT198C LED57S/865 PSU PCO L1500	Cố định	-
911401505147	WT198C LED80S/840 PSU L1500	Cố định	-
911401505247	WT198C LED75S/840 PSU PCO L1500	Cố định	-
911401505347	WT198C LED80S/865 PSU L1500	Cố định	-
911401505447	WT198C LED75S/865 PSU PCO L1500	Cố định	-
911401505547	WT198C LED100S/840 PSU L1500	Cố định	-
911401505647	WT198C LED94S/840 PSU PCO L1500	Cố định	-
911401505747	WT198C LED100S/865 PSU L1500	Cố định	-
911401505847	WT198C LED94S/865 PSU PCO L1500	Cố định	-
911401506347	WT198C LED60S/840 PSD L1500	DALI	-
911401506447	WT198C LED60S/865 PSD L1500	DALI	-
911401506547	WT198C LED80S/840 PSD L1500	DALI	-
911401506647	WT198C LED80S/865 PSD L1500	DALI	-
911401506747	WT198C LED100S/840 PSD L1500	DALI	-
911401506847	WT198C LED100S/865 PSD L1500	DALI	-
911401507147	WT198C LED60S/840 PSD Es L1500	DALI	-
911401507247	WT198C LED80S/840 PSD Es L1500	DALI	-
911401507347	WT198C LED100S/840 PSD Es L1500	DALI	-
911401507747	WT198X LED60S/840 WIA L1500	Điều chỉnh độ sáng không dây	-

Order Code	Full Product Name	Có thể điều chỉnh độ sáng (Có hỗ trợ tăng/giảm sáng)	Độ mờ tối đa
911401507847	WT198X LED80S/840 WIA L1500	Điều chỉnh độ sáng không dây	-
911401507947	WT198X LED100S/840 WIA L1500	Điều chỉnh độ sáng không dây	-
911401509947	WT198C HE LED60S/840 PSU L1500	Cố định	-
911401510047	WT198C HE LED60S/865 PSU L1500	Cố định	-
911401510147	WT198C HE LED80S/840 PSU L1500	Cố định	-
911401510247	WT198C HE LED80S/865 PSU L1500	Cố định	-
911401510347	WT198C HE LED100S/840 PSU L1500	Cố định	-
911401510447	WT198C HE LED100S/865 PSU L1500	Cố định	-
911401510747	WT198C HE LED60S/840 PSD L1500	DALI	-
911401510847	WT198C HE LED80S/840 PSD L1500	DALI	-
911401510947	WT198C HE LED100S/840 PSD L1500	DALI	-
911401528447	WT198C HE LED60S/865 PSD L1500	DALI	-
911401528547	WT198C HE LED80S/865 PSD L1500	DALI	-
911401528647	WT198C HE LED100S/865 PSD L1500	DALI	-
911401551502	WT198X LED20S/840 L1 W L600	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401551702	WT198X LED40S/840 L1 W L1200	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401551802	WT198X LED60S/840 L1 W L1500	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401552002	WT198X LED20S/865 L1 W L600	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401552102	WT198X LED27S/865 L1 W L1200	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401552202	WT198X LED40S/865 L1 W L1200	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401552402	WT198X LED82S/865 L1 W L1500	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401571091	WT198X LED20S/840 L1 S L600	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401571391	WT198X LED60S/840 L1 S L1500	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401571491	WT198X LED82S/840 L1 S L1500	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401571591	WT198X LED20S/865 L1 S L600	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401571991	WT198X LED82S/865 L1 S L1500	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401552502	WT198X LED19S/840 L1 W PCO L600	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401552602	WT198X LED26S/840 L1 W PCO L1200	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401552702	WT198X LED38S/840 L1 W PCO L1200	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401553002	WT198X LED19S/865 L1 W PCO L600	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401553102	WT198X LED26S/865 L1 W PCO L1200	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Order Code	Full Product Name	Có thể điều chỉnh độ sáng (Có hỗ trợ tăng/giảm sáng)	Độ mờ tối đa
911401553202	WT198X LED38S/865 L1 W PCO L1200	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401553302	WT198X LED57S/865 L1 W PCO L1500	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401572091	WT198X LED19S/840 L1 S PCO L600	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401503547	WT198C LED12S/840 PSU L600	Cố định	-
911401503647	WT198C LED11S/840 PSU PCO L600	Cố định	-
911401503747	WT198C LED20S/840 PSU L600	Cố định	-
911401503847	WT198C LED18S/840 PSU PCO L600	Cố định	-
911401507447	WT198X LED20S/840 WIA L600	Điều chỉnh độ sáng không dây	-
911401571191	WT198X LED27S/840 L1 S L1200	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%

Order Code	Full Product Name	Có thể điều chỉnh độ sáng (Có hỗ trợ tăng/giảm sáng)	Độ mờ tối đa
911401571291	WT198X LED40S/840 L1 S L1200	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401571691	WT198X LED27S/865 L1 S L1200	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401571791	WT198X LED40S/865 L1 S L1200	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401572191	WT198X LED26S/840 L1 S PCO L1200	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401572291	WT198X LED38S/840 L1 S PCO L1200	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%
911401572691	WT198X LED26S/865 L1 S PCO L1200	Điều chỉnh độ sáng từng nấc	20%
911401572791	WT198X LED38S/865 L1 S PCO L1200	Điều chỉnh độ sáng không dây	20%

Cơ khí và vỏ đèn

Order Code	Full Product Name	Kiểu chụp quang học	Mã bảo vệ chống xâm nhập
911401503947	WT198C LED27S/840 PSU L1200	Polycarbonate	IP66
911401504047	WT198C LED25S/840 PSU PCO L1200	Polycarbonate	IP66
911401504147	WT198C LED27S/865 PSU L1200	Polycarbonate	IP66
911401504247	WT198C LED25S/865 PSU PCO L1200	Polycarbonate	IP66
911401504347	WT198C LED40S/840 PSU L1200	Polycarbonate	IP66
911401504447	WT198C LED37S/840 PSU PCO L1200	Polycarbonate	IP66
911401504547	WT198C LED40S/865 PSU L1200	Polycarbonate	IP66
911401504647	WT198C LED37S/865 PSU PCO L1200	Polycarbonate	IP66
911401505947	WT198C LED27S/840 PSD L1200	Polycarbonate	IP66
911401506047	WT198C LED27S/865 PSD L1200	Polycarbonate	IP66
911401506147	WT198C LED40S/840 PSD L1200	Polycarbonate	IP66
911401506247	WT198C LED40S/865 PSD L1200	Polycarbonate	IP66
911401506947	WT198C LED27S/840 PSD Es L1200	Polycarbonate	IP66
911401507047	WT198C LED40S/840 PSD Es L1200	Polycarbonate	IP66
911401507547	WT198X LED27S/840 WIA L1200	Polycarbonate	IP66
911401507647	WT198X LED40S/840 WIA L1200	Polycarbonate	IP66
911401509547	WT198C HE LED27S/840 PSU L1200	Polycarbonate	IP66
911401509647	WT198C HE LED27S/865 PSU L1200	Polycarbonate	IP66
911401509747	WT198C HE LED40S/840 PSU L1200	Polycarbonate	IP66
911401509847	WT198C HE LED40S/865 PSU L1200	Polycarbonate	IP66

Order Code	Full Product Name	Kiểu chụp quang học	Mã bảo vệ chống xâm nhập
911401510547	WT198C HE LED27S/840 PSD L1200	Polycarbonate	IP66
911401510647	WT198C HE LED40S/840 PSD L1200	Polycarbonate	IP66
911401528247	WT198C HE LED27S/865 PSD L1200	Polycarbonate	IP66
911401528347	WT198C HE LED40S/865 PSD L1200	Polycarbonate	IP66
911401504747	WT198C LED60S/840 PSU L1500	Polycarbonate	IP66
911401504847	WT198C LED57S/840 PSU PCO L1500	Polycarbonate	IP66
911401504947	WT198C LED60S/865 PSU L1500	Polycarbonate	IP66
911401505047	WT198C LED57S/865 PSU PCO L1500	Polycarbonate	IP66
911401505147	WT198C LED80S/840 PSU L1500	Polycarbonate	IP66
911401505247	WT198C LED75S/840 PSU PCO L1500	Polycarbonate	IP66
911401505347	WT198C LED80S/865 PSU L1500	Polycarbonate	IP66
911401505447	WT198C LED75S/865 PSU PCO L1500	Polycarbonate	IP66
911401505547	WT198C LED100S/840 PSU L1500	Polycarbonate	IP66
911401505647	WT198C LED94S/840 PSU PCO L1500	Polycarbonate	IP66
911401505747	WT198C LED100S/865 PSU L1500	Polycarbonate	IP66
911401505847	WT198C LED94S/865 PSU PCO L1500	Polycarbonate	IP66
911401506347	WT198C LED60S/840 PSD L1500	Polycarbonate	IP66
911401506447	WT198C LED60S/865 PSD L1500	Polycarbonate	IP66
911401506547	WT198C LED80S/840 PSD L1500	Polycarbonate	IP66
911401506647	WT198C LED80S/865 PSD L1500	Polycarbonate	IP66

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Order Code	Full Product Name	Kiểu chụp quang học	Mã bảo vệ chống xâm nhập
911401506747	WT198C LED100S/840 PSD L1500	Polycarbonate	IP66
911401506847	WT198C LED100S/865 PSD L1500	Polycarbonate	IP66
911401507147	WT198C LED60S/840 PSD Es L1500	Polycarbonate	IP66
911401507247	WT198C LED80S/840 PSD Es L1500	Polycarbonate	IP66
911401507347	WT198C LED100S/840 PSD Es L1500	Polycarbonate	IP66
911401507747	WT198X LED60S/840 WIA L1500	Polycarbonate	IP66
911401507847	WT198X LED80S/840 WIA L1500	Polycarbonate	IP66
911401507947	WT198X LED100S/840 WIA L1500	Polycarbonate	IP66
911401509947	WT198C HE LED60S/840 PSU L1500	Polycarbonate	IP66
911401510047	WT198C HE LED60S/865 PSU L1500	Polycarbonate	IP66
911401510147	WT198C HE LED80S/840 PSU L1500	Polycarbonate	IP66
911401510247	WT198C HE LED80S/865 PSU L1500	Polycarbonate	IP66
911401510347	WT198C HE LED100S/840 PSU L1500	Polycarbonate	IP66
911401510447	WT198C HE LED100S/865 PSU L1500	Polycarbonate	IP66
911401510747	WT198C HE LED60S/840 PSD L1500	Polycarbonate	IP66
911401510847	WT198C HE LED80S/840 PSD L1500	Polycarbonate	IP66
911401510947	WT198C HE LED100S/840 PSD L1500	Polycarbonate	IP66
911401528447	WT198C HE LED60S/865 PSD L1500	Polycarbonate	IP66
911401528547	WT198C HE LED80S/865 PSD L1500	Polycarbonate	IP66
911401528647	WT198C HE LED100S/865 PSD L1500	Polycarbonate	IP66
911401551502	WT198X LED20S/840 L1 W L600	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401551702	WT198X LED40S/840 L1 W L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401551802	WT198X LED60S/840 L1 W L1500	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401552002	WT198X LED20S/865 L1 W L600	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401552102	WT198X LED27S/865 L1 W L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401552202	WT198X LED40S/865 L1 W L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401552402	WT198X LED82S/865 L1 W L1500	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65

Order Code	Full Product Name	Kiểu chụp quang học	Mã bảo vệ chống xâm nhập
911401571091	WT198X LED20S/840 L1 S L600	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401571391	WT198X LED60S/840 L1 S L1500	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401571491	WT198X LED82S/840 L1 S L1500	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401571591	WT198X LED20S/865 L1 S L600	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401571991	WT198X LED82S/865 L1 S L1500	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401552502	WT198X LED19S/840 L1 W PCO L600	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401552602	WT198X LED26S/840 L1 W PCO L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401552702	WT198X LED38S/840 L1 W PCO L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401553002	WT198X LED19S/865 L1 W PCO L600	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401553102	WT198X LED26S/865 L1 W PCO L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401553202	WT198X LED38S/865 L1 W PCO L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401553302	WT198X LED57S/865 L1 W PCO L1500	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401572091	WT198X LED19S/840 L1 S PCO L600	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401503547	WT198C LED12S/840 PSU L600	Polycarbonate	IP66
911401503647	WT198C LED11S/840 PSU PCO L600	Polycarbonate	IP66
911401503747	WT198C LED20S/840 PSU L600	Polycarbonate	IP66
911401503847	WT198C LED18S/840 PSU PCO L600	Polycarbonate	IP66
911401507447	WT198X LED20S/840 WIA L600	Polycarbonate	IP66
911401571191	WT198X LED27S/840 L1 S L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401571291	WT198X LED40S/840 L1 S L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401571691	WT198X LED27S/865 L1 S L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401571791	WT198X LED40S/865 L1 S L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401572191	WT198X LED26S/840 L1 S PCO L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401572291	WT198X LED38S/840 L1 S PCO L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401572691	WT198X LED26S/865 L1 S PCO L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65
911401572791	WT198X LED38S/865 L1 S PCO L1200	Chao đèn/nắp Polycarbonate	IP65

Phê duyệt và ứng dụng

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Order Code	Full Product Name	Phạm vi nhiệt độ môi trường xung quanh	Thử nghiệm sợi dây phát sáng
911401503947	WT198C LED27S/840 PSU L1200	-30 đến +50°C	-
911401504047	WT198C LED25S/840 PSU PCO L1200	-30 đến +50°C	-
911401504147	WT198C LED27S/865 PSU L1200	-30 đến +50°C	-
911401504247	WT198C LED25S/865 PSU PCO L1200	-30 đến +50°C	-
911401504347	WT198C LED40S/840 PSU L1200	-30 đến +50°C	-
911401504447	WT198C LED37S/840 PSU PCO L1200	-30 đến +50°C	-
911401504547	WT198C LED40S/865 PSU L1200	-30 đến +50°C	-
911401504647	WT198C LED37S/865 PSU PCO L1200	-30 đến +50°C	-
911401505947	WT198C LED27S/840 PSD L1200	-25 đến +45°C	-
911401506047	WT198C LED27S/865 PSD L1200	-25 đến +45°C	-
911401506147	WT198C LED40S/840 PSD L1200	-25 đến +40°C	-
911401506247	WT198C LED40S/865 PSD L1200	-25 đến +40°C	-
911401506947	WT198C LED27S/840 PSD Es L1200	-30 đến +60°C	-
911401507047	WT198C LED40S/840 PSD Es L1200	-30 đến +60°C	-
911401507547	WT198X LED27S/840 WIA L1200	-25 đến +45°C	-
911401507647	WT198X LED40S/840 WIA L1200	-25 đến +40°C	-
911401509547	WT198C HE LED27S/840 PSU L1200	-30 đến +50°C	-
911401509647	WT198C HE LED27S/865 PSU L1200	-30 đến +50°C	-
911401509747	WT198C HE LED40S/840 PSU L1200	-30 đến +50°C	-
911401509847	WT198C HE LED40S/865 PSU L1200	-30 đến +50°C	-
911401510547	WT198C HE LED27S/840 PSD L1200	-25 đến +45°C	-
911401510647	WT198C HE LED40S/840 PSD L1200	-25 đến +40°C	-
911401528247	WT198C HE LED27S/865 PSD L1200	-25 đến +45°C	-
911401528347	WT198C HE LED40S/865 PSD L1200	-25 đến +40°C	-
911401504747	WT198C LED60S/840 PSU L1500	-30 đến +50°C	-

Order Code	Full Product Name	Phạm vi nhiệt độ môi trường xung quanh	Thử nghiệm sợi dây phát sáng
911401504847	WT198C LED57S/840 PSU PCO L1500	-30 đến +50°C	-
911401504947	WT198C LED60S/865 PSU L1500	-30 đến +50°C	-
911401505047	WT198C LED57S/865 PSU PCO L1500	-30 đến +50°C	-
911401505147	WT198C LED80S/840 PSU L1500	-30 đến +50°C	-
911401505247	WT198C LED75S/840 PSU PCO L1500	-30 đến +50°C	-
911401505347	WT198C LED80S/865 PSU L1500	-30 đến +50°C	-
911401505447	WT198C LED75S/865 PSU PCO L1500	-30 đến +50°C	-
911401505547	WT198C LED100S/840 PSU L1500	-30 đến +45°C	-
911401505647	WT198C LED94S/840 PSU PCO L1500	-30 đến +45°C	-
911401505747	WT198C LED100S/865 PSU L1500	-30 đến +45°C	-
911401505847	WT198C LED94S/865 PSU PCO L1500	-30 đến +45°C	-
911401506347	WT198C LED60S/840 PSD L1500	-25 đến +40°C	-
911401506447	WT198C LED60S/865 PSD L1500	-25 đến +40°C	-
911401506547	WT198C LED80S/840 PSD L1500	-25 đến +40°C	-
911401506647	WT198C LED80S/865 PSD L1500	-25 đến +40°C	-
911401506747	WT198C LED100S/840 PSD L1500	-25 đến +40°C	-
911401506847	WT198C LED100S/865 PSD L1500	-25 đến +40°C	-
911401507147	WT198C LED60S/840 PSD Es L1500	-30 đến +60°C	-
911401507247	WT198C LED80S/840 PSD Es L1500	-30 đến +60°C	-
911401507347	WT198C LED100S/840 PSD Es L1500	-30 đến +50°C	-
911401507747	WT198X LED60S/840 WIA L1500	-25 đến +40°C	-
911401507847	WT198X LED80S/840 WIA L1500	-25 đến +40°C	-
911401507947	WT198X LED100S/840 WIA L1500	-25 đến +40°C	-
911401509947	WT198C HE LED60S/840 PSU L1500	-30 đến +50°C	-
911401510047	WT198C HE LED60S/865 PSU L1500	-30 đến +50°C	-

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Order Code	Full Product Name	Phạm vi nhiệt độ môi trường xung quanh		Thử nghiệm sợi dây phát sáng
		Phạm vi nhiệt độ môi trường xung quanh	Thử nghiệm sợi dây phát sáng	
911401510147	WT198C HE LED80S/840 PSU L1500	-30 đến +50°C	-	
911401510247	WT198C HE LED80S/865 PSU L1500	-30 đến +50°C	-	
911401510347	WT198C HE LED100S/840 PSU L1500	-30 đến +50°C	-	
911401510447	WT198C HE LED100S/865 PSU L1500	-30 đến +50°C	-	
911401510747	WT198C HE LED60S/840 PSD L1500	-25 đến +40°C	-	
911401510847	WT198C HE LED80S/840 PSD L1500	-25 đến +40°C	-	
911401510947	WT198C HE LED100S/840 PSD L1500	-25 đến +40°C	-	
911401528447	WT198C HE LED60S/865 PSD L1500	-25 đến +40°C	-	
911401528547	WT198C HE LED80S/865 PSD L1500	-25 đến +40°C	-	
911401528647	WT198C HE LED100S/865 PSD L1500	-25 đến +40°C	-	
911401551502	WT198X LED20S/840 L1 W L600	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401551702	WT198X LED40S/840 L1 W L1200	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401551802	WT198X LED60S/840 L1 W L1500	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401552002	WT198X LED20S/865 L1 W L600	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401552102	WT198X LED27S/865 L1 W L1200	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401552202	WT198X LED40S/865 L1 W L1200	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401552402	WT198X LED82S/865 L1 W L1500	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401571091	WT198X LED20S/840 L1 S L600	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401571391	WT198X LED60S/840 L1 S L1500	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401571491	WT198X LED82S/840 L1 S L1500	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401571591	WT198X LED20S/865 L1 S L600	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401571991	WT198X LED82S/865 L1 S L1500	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	

Order Code	Full Product Name	Phạm vi nhiệt độ môi trường xung quanh		Thử nghiệm sợi dây phát sáng
		Phạm vi nhiệt độ môi trường xung quanh	Thử nghiệm sợi dây phát sáng	
911401552502	WT198X LED19S/840 L1 W PCO L600	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401552602	WT198X LED26S/840 L1 W PCO L1200	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401552702	WT198X LED38S/840 L1 W PCO L1200	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401553002	WT198X LED19S/865 L1 W PCO L600	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401553102	WT198X LED26S/865 L1 W PCO L1200	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401553202	WT198X LED38S/865 L1 W PCO L1200	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401553302	WT198X LED57S/865 L1 W PCO L1500	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401572091	WT198X LED19S/840 L1 S PCO L600	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401503547	WT198C LED12S/840 PSU L600	-30 đến +60°C	-	
911401503647	WT198C LED11S/840 PSU PCO L600	-30 đến +60°C	-	
911401503747	WT198C LED20S/840 PSU L600	-30 đến +50°C	-	
911401503847	WT198C LED18S/840 PSU PCO L600	-30 đến +50°C	-	
911401507447	WT198X LED20S/840 WIA L600	-25 đến +45°C	-	
911401571191	WT198X LED27S/840 L1 S L1200	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401571291	WT198X LED40S/840 L1 S L1200	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401571691	WT198X LED27S/865 L1 S L1200	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401571791	WT198X LED40S/865 L1 S L1200	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401572191	WT198X LED26S/840 L1 S PCO L1200	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401572291	WT198X LED38S/840 L1 S PCO L1200	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401572691	WT198X LED26S/865 L1 S PCO L1200	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	
911401572791	WT198X LED38S/865 L1 S PCO L1200	-20 đến +45°C	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 30 giây	

Hiệu suất ban đầu (Tuân thủ IEC)

Order Code	Full Product Name	Màu sắc ban đầu	Dung sai quang thông
		Màu sắc ban đầu	Dung sai quang thông
911401503947	WT198C LED27S/840 PSU L1200	-	-10%, +15%

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Order Code	Full Product Name	Màu sắc ban đầu	Dung sai quang thông
911401504047	WT198C LED25S/840 PSU PCO L1200	-	-10%,+15%
911401504147	WT198C LED27S/865 PSU L1200	-	-10%,+15%
911401504247	WT198C LED25S/865 PSU PCO L1200	-	-10%,+15%
911401504347	WT198C LED40S/840 PSU L1200	-	-10%,+15%
911401504447	WT198C LED37S/840 PSU PCO L1200	-	-10%,+15%
911401504547	WT198C LED40S/865 PSU L1200	-	-10%,+15%
911401504647	WT198C LED37S/865 PSU PCO L1200	-	-10%,+15%
911401505947	WT198C LED27S/840 PSD L1200	-	-10%,+15%
911401506047	WT198C LED27S/865 PSD L1200	-	-10%,+15%
911401506147	WT198C LED40S/840 PSD L1200	-	-10%,+15%
911401506247	WT198C LED40S/865 PSD L1200	-	-10%,+15%
911401506947	WT198C LED27S/840 PSD Es L1200	-	-10%,+15%
911401507047	WT198C LED40S/840 PSD Es L1200	-	-10%,+15%
911401507547	WT198X LED27S/840 WIA L1200	-	-10%,+15%
911401507647	WT198X LED40S/840 WIA L1200	-	-10%,+15%
911401509547	WT198C HE LED27S/840 PSU L1200	-	-10%,+15%
911401509647	WT198C HE LED27S/865 PSU L1200	-	-10%,+15%
911401509747	WT198C HE LED40S/840 PSU L1200	-	-10%,+15%
911401509847	WT198C HE LED40S/865 PSU L1200	-	-10%,+15%
911401510547	WT198C HE LED27S/840 PSD L1200	-	-10%,+15%
911401510647	WT198C HE LED40S/840 PSD L1200	-	-10%,+15%
911401528247	WT198C HE LED27S/865 PSD L1200	-	-10%,+15%
911401528347	WT198C HE LED40S/865 PSD L1200	-	-10%,+15%
911401504747	WT198C LED60S/840 PSU L1500	-	-10%,+15%
911401504847	WT198C LED57S/840 PSU PCO L1500	-	-10%,+15%
911401504947	WT198C LED60S/865 PSU L1500	-	-10%,+15%
911401505047	WT198C LED57S/865 PSU PCO L1500	-	-10%,+15%
911401505147	WT198C LED80S/840 PSU L1500	-	-10%,+15%
911401505247	WT198C LED75S/840 PSU PCO L1500	-	-10%,+15%
911401505347	WT198C LED80S/865 PSU L1500	-	-10%,+15%
911401505447	WT198C LED75S/865 PSU PCO L1500	-	-10%,+15%
911401505547	WT198C LED100S/840 PSU L1500	-	-10%,+15%
911401505647	WT198C LED94S/840 PSU PCO L1500	-	-10%,+15%
911401505747	WT198C LED100S/865 PSU L1500	-	-10%,+15%
911401505847	WT198C LED94S/865 PSU PCO L1500	-	-10%,+15%
911401506347	WT198C LED60S/840 PSD L1500	-	-10%,+15%
911401506447	WT198C LED60S/865 PSD L1500	-	-10%,+15%
911401506547	WT198C LED80S/840 PSD L1500	-	-10%,+15%
911401506647	WT198C LED80S/865 PSD L1500	-	-10%,+15%
911401506747	WT198C LED100S/840 PSD L1500	-	-10%,+15%
911401506847	WT198C LED100S/865 PSD L1500	-	-10%,+15%

Order Code	Full Product Name	Màu sắc ban đầu	Dung sai quang thông
911401507147	WT198C LED60S/840 PSD Es L1500	-	-10%,+15%
911401507247	WT198C LED80S/840 PSD Es L1500	-	-10%,+15%
911401507347	WT198C LED100S/840 PSD Es L1500	-	-10%,+15%
911401507747	WT198X LED60S/840 WIA L1500	-	-10%,+15%
911401507847	WT198X LED80S/840 WIA L1500	-	-10%,+15%
911401507947	WT198X LED100S/840 WIA L1500	-	-10%,+15%
911401509947	WT198C HE LED60S/840 PSU L1500	-	-10%,+15%
911401510047	WT198C HE LED60S/865 PSU L1500	-	-10%,+15%
911401510147	WT198C HE LED80S/840 PSU L1500	-	-10%,+15%
911401510247	WT198C HE LED80S/865 PSU L1500	-	-10%,+15%
911401510347	WT198C HE LED100S/840 PSU L1500	-	-10%,+15%
911401510447	WT198C HE LED100S/865 PSU L1500	-	-10%,+15%
911401510747	WT198C HE LED60S/840 PSD L1500	-	-10%,+15%
911401510847	WT198C HE LED80S/840 PSD L1500	-	-10%,+15%
911401510947	WT198C HE LED100S/840 PSD L1500	-	-10%,+15%
911401528447	WT198C HE LED60S/865 PSD L1500	-	-10%,+15%
911401528547	WT198C HE LED80S/865 PSD L1500	-	-10%,+15%
911401528647	WT198C HE LED100S/865 PSD L1500	-	-10%,+15%
911401551502	WT198X LED20S/840 L1 W L600	(0.38, 0.38)	-10% / +10% SDCM≤3
911401551702	WT198X LED40S/840 L1 W L1200	(0.38, 0.38)	-10% / +10% SDCM≤3
911401551802	WT198X LED60S/840 L1 W L1500	(0.38, 0.38)	-10% / +10% SDCM≤3
911401552002	WT198X LED20S/865 L1 W L600	(0.32, 0.33)	-10% / +10% SDCM≤3
911401552102	WT198X LED27S/865 L1 W L1200	(0.32, 0.33)	-10% / +10% SDCM≤3
911401552202	WT198X LED40S/865 L1 W L1200	(0.32, 0.33)	-10% / +10% SDCM≤3
911401552402	WT198X LED82S/865 L1 W L1500	(0.32, 0.33)	-10% / +10% SDCM≤3
911401571091	WT198X LED20S/840 L1 S L600	(0.38, 0.38)	-10% / +10% SDCM≤3
911401571391	WT198X LED60S/840 L1 S L1500	(0.38, 0.38)	-10% / +10% SDCM≤3
911401571491	WT198X LED82S/840 L1 S L1500	(0.38, 0.38)	-10% / +10% SDCM≤3
911401571591	WT198X LED20S/865 L1 S L600	(0.32, 0.33)	-10% / +10% SDCM≤3
911401571991	WT198X LED82S/865 L1 S L1500	(0.32, 0.33)	-10% / +10% SDCM≤3
911401552502	WT198X LED19S/840 L1 W PCO L600	(0.38, 0.38)	-10% / +10% SDCM≤3
911401552602	WT198X LED26S/840 L1 W PCO L1200	(0.38, 0.38)	-10% / +10% SDCM≤3

Đèn GreenPerform Waterproof G3

Order Code	Full Product Name	Màu sắc ban đầu	Dung sai quang thông
911401552702	WT198X LED38S/840 L1 W PCO L1200	(0.38, 0.38) SDCM≤3	-10% / +10%
911401553002	WT198X LED19S/865 L1 W PCO L600	(0.32, 0.33) SDCM≤3	-10% / +10%
911401553102	WT198X LED26S/865 L1 W PCO L1200	(0.32, 0.33) SDCM≤3	-10% / +10%
911401553202	WT198X LED38S/865 L1 W PCO L1200	(0.32, 0.33) SDCM≤3	-10% / +10%
911401553302	WT198X LED57S/865 L1 W PCO L1500	(0.32, 0.33) SDCM≤3	-10% / +10%
911401572091	WT198X LED19S/840 L1 S PCO L600	(0.38, 0.38) SDCM≤3	-10% / +10%
911401503547	WT198C LED12S/840 PSU L600	-	-10%,+15%
911401503647	WT198C LED11S/840 PSU PCO L600	-	-10%,+15%
911401503747	WT198C LED20S/840 PSU L600	-	-10%,+15%
911401503847	WT198C LED18S/840 PSU PCO L600	-	-10%,+15%
911401507447	WT198X LED20S/840 WIA L600	-	-10%,+15%

Order Code	Full Product Name	Màu sắc ban đầu	Dung sai quang thông
911401571191	WT198X LED27S/840 L1 S L1200	(0.38, 0.38) SDCM≤3	-10% / +10%
911401571291	WT198X LED40S/840 L1 S L1200	(0.38, 0.38) SDCM≤3	-10% / +10%
911401571691	WT198X LED27S/865 L1 S L1200	(0.32, 0.33) SDCM≤3	-10% / +10%
911401571791	WT198X LED40S/865 L1 S L1200	(0.32, 0.33) SDCM≤3	-10% / +10%
911401572191	WT198X LED26S/840 L1 S PCO L1200	(0.38, 0.38) SDCM≤3	-10% / +10%
911401572291	WT198X LED38S/840 L1 S PCO L1200	(0.38, 0.38) SDCM≤3	-10% / +10%
911401572691	WT198X LED26S/865 L1 S PCO L1200	(0.32, 0.33) SDCM≤3	-10% / +10%
911401572791	WT198X LED38S/865 L1 S PCO L1200	(0.32, 0.33) SDCM≤3	-10% / +10%

